

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/12/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc L

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Đặng Thị Th

2/ Ông Trần Văn Ng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu H - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị H1 – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX - ST ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: 33 Bà T, khu phố 11, phường Ngọc Tr1, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: 78 Đặng D, khu phố 5, phường P, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Phùng Ngọc Q - Sinh năm: 1978

Địa chỉ: 33 Bà T, khu phố 11, phường Ngọc Tr, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: 27 Đặng D, khu phố 2, phường P, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị M, vắng mặt anh Q không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07/8/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị Mai trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Phùng Ngọc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức và được UBND phường P, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/10/2013. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Q là người gia trưởng, đã nhiều lần đánh đập và chửi bới chị, đã có lần công an phường P phải xuống giải quyết. Từ năm 2014 đến nay chị đã 02 lần nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, tuy nhiên sau đó anh Q nhiều lần xin lỗi nên chị đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, đến nay anh Q vẫn không thay đổi và vẫn thường xuyên đánh đập chị, vì vậy do không thể chịu đựng được nên từ đầu tháng 7/2020 đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

- *Về con chung:* Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là: Phùng Hiểu B - Sinh ngày 03/9/2013 và cháu Phùng Hạo N - Sinh ngày 14/10/2015. Hiện nay các cháu khỏe mạnh và học tập bình thường. Ly hôn nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu B và N. Nếu Tòa án giải quyết mỗi người nuôi 01 con thì nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Hiện nay chị đang làm nghề làm mi, móng với thu nhập ổn định khoảng 6.000.000đồng/tháng

- *Về tài sản, công nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn là anh Phùng Ngọc Q trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Phạm Thị M kết hôn tự nguyện, được UBND phường P, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M chơi bời, không quan tâm đến gia đình. Đến tháng 12/2018 anh phát hiện chị M đi ngoại tình với người đàn ông khác, chị M đã xin anh tha thứ để vợ chồng đoàn tụ, đến tháng 4/2019 chị M đã tự ý bỏ nhà đi, đến

tháng 9/2019 chị M về nhà ở và xin anh tha thứ và anh có đồng ý. Nhưng sau đó anh phát hiện chị M vẫn liên lạc với người tình cũ nên vợ chồng có cãi vã nhau và anh đã đuổi cô M ra khỏi nhà. Từ tháng 9/2019 đến nay vợ chồng anh sống ly thân nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị M làm đơn xin ly hôn anh, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị M.

- *Về con chung*: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là: Phùng Hiểu B, sinh ngày 03/9/2013; Phùng Hạo N, sinh ngày 14/10/2015. Hiện nay các cháu khỏe mạnh bình thường. Nay vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của anh là được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu B và N, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Hiện nay anh làm nghề lái xe có thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng

- *Về tài sản, công nợ chung*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân thị xã Bỉm Sơn đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi vợ chồng sinh sống thì được biết chị M và anh Q là vợ chồng, có thuê phòng trọ và sinh sống tại khu 2, phường P, thị xã Bỉm Sơn từ khoảng đầu năm 2018. Sau khi chuyển về thuê trọ tại phường P, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chị M, anh Q có mối quan hệ tình cảm bên ngoài dẫn đến vợ chồng bất đồng, cãi cọ nhau. Khoảng năm 2018 có lần anh Q đánh chị M, vợ chồng xảy ra xô xát và công an phường P đã phải xuống lập biên bản giải quyết. Từ khoảng đầu năm 2020 đến nay, chị M và anh Q đã sống ly thân nhau, chị M đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở khu 5, phường P để sinh sống. Vợ chồng anh chị có 02 con chung là: Phùng Hiểu B - Sinh ngày 03/9/2013 và cháu Phùng Hạo N - Sinh ngày 14/10/2015. Hiện nay chị M làm nghề cắt tóc gội đầu, anh Q làm nghề lái xe.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn anh Phùng Ngọc Q.

- Về con chung: Giao cháu Phùng Hiểu B, sinh ngày 03/9/2013 và Phùng Hạo N, sinh ngày 14/10/2015 là con chung của chị M, anh Q cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản, công nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét.

- Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay chị M vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện; anh Q vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay anh Q đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Phùng Ngọc Q kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Chị M và anh Q đều cho rằng, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do vợ chồng có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài. Vợ chồng đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau một thời gian. Hai bên cũng thống nhất tình cảm vợ chồng không còn nên đều xin được ly hôn. Tòa án đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Q vẫn giữ nguyên quan điểm và anh cũng đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Xét thấy, nguyện vọng xin được ly hôn của chị M là có cơ sở, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, kéo dài trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Q không quan tâm đến tình cảm vợ chồng và việc giải quyết vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị M được ly hôn anh Q là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là: Phùng Hiểu B - Sinh ngày 03/9/2013 và cháu Phùng Hạo N - Sinh ngày 14/10/2015. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị M tại gia đình nhà Ngoại.

Nguyện vọng của chị M và anh Q đều muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Đối với anh Q do công việc lái xe nên thường xuyên vắng

mặt tại gia đình; mặt khác Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần và tại phiên tòa hôm nay anh Q vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ anh Q không có thiện chí với nguyện vọng nuôi con của mình, nên nguyện vọng của anh Quý không đủ cơ sở để chấp nhận. Hiện nay chị M đang làm mi, móng với thu nhập ổn định hàng tháng là 6.000.000đồng, chị M có khả năng chăm sóc tốt các cháu trong sinh hoạt và học tập. Vì vậy căn cứ Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu B và cháu N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị M là phù hợp với điều kiện thực tế, nguyện vọng của cháu B và quy định của pháp luật. Sau này anh Q có nguyện vọng nuôi con thì anh sẽ yêu cầu bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị M là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị Mai phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố Tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn anh Phùng Ngọc Q.

2. Về nuôi con chung: Công nhận anh Phùng Ngọc Quý và chị Phạm Thị Mai có hai con chung là cháu: Phùng Hiểu B - Sinh ngày 03 tháng 9 năm 2013 và cháu Phùng Hạo N - Sinh ngày 14 tháng 10 năm 2015.

2.1. Giao cháu Phùng Hiểu B và cháu Phùng Hạo N cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

2.4. Anh Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị M và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000đồng(*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng(*Ba trăm nghìn đồng*) chị đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006344 ngày 21/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bỉm Sơn. Chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị M có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TX.Bỉm Sơn;
- Chi cục THA DS TX. Bỉm Sơn;
- UBND phường P,
- TX. Bỉm Sơn (CQ Đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc L

